

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

- NĂM BÁO CÁO: 2017 -

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên thành lập : **CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**

Tên giao dịch : Petec Binh Dinh Joint Stock Company

Tên viết tắt : **PETEC BIDICO**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3503000014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 15 tháng 05 năm 2001 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai vào ngày 25 tháng 10 năm 2016 với mã số doanh nghiệp là **4100406219**.

Vốn điều lệ : 40.391.470.000 VNĐ

Vốn góp của chủ sở hữu : 40.391.470.000 VNĐ (thực tế đến 31/12/2016)

Địa chỉ trụ sở chính : 389 Trần Hưng Đạo- Thành phố Quy Nhơn- Bình Định

Điện thoại : 0256.3 822233 - Fax : 0256.3 823863.

Website : www.petecbidico.com.vn

Email : info@petecbidico.com.vn

MỤC LỤC

Trang

I. Thông tin chung	03
1. Quá trình hình thành và phát triển	-
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	-
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	05
4. Định hướng phát triển	07
II. Tình hình hoạt động trong năm	08
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	-
2. Tổ chức và nhân sự	09
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	10
4. Tình hình tài chính	-
5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	11
6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư cả chủ sở hữu	12
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc	12
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	-
2. Tình hình tài chính	14
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	-
4. Kế hoạch phát triển trong năm 2018	15
5. Giải trình của Ban TGD đối với ý kiến kiểm toán	-
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị (HĐQT) về hoạt động của Công ty	15
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	-
2. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Ban TGD	16
3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT.	-
V. Quản trị Công ty	16
1. Hội đồng quản trị	-
2. Ban kiểm soát	19
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích	-
VI. Báo cáo tài chính	23
1. Ý kiến kiểm toán.	-
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	24

I. Thông tin chung:

1. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty được thành lập vào ngày 14/5/2001 theo quyết định số 35/2001/QĐ-UB của UBND Tỉnh Bình Định về việc chuyển công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định thành Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định, với vốn điều lệ là: 7.319.400.000 đồng. Tiền thân của công ty Cổ phần Petec Bình Định là công ty Thương Nghiệp Tổng Hợp Bình Định. Thực hiện theo Nghị định số 338/CP của Chính Phủ về việc sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước, được sự đồng ý của Bộ Thương Mại: Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định được thành lập ngày 21/03/1991 theo Quyết định số 290/QĐ-UB của Ủy Ban Nhân Dân (UBND) Tỉnh Bình Định trên cơ sở hợp nhất giữa hai đơn vị là: Công ty Công nghệ phẩm Bình Định và Công ty Vật liệu xây dựng Chất đốt Bình Định dưới sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp của Sở Thương Mại và Du Lịch Bình Định.

Ngày 08/9/2006, Đại hội đồng cổ đông bất thường đã nhất trí thông nhất phương án tăng vốn điều lệ, theo đó vốn điều lệ của Công ty tăng từ 7.319.400.000 đồng lên thành 15.000.000.000 đồng (tức tăng 104,93%), tương đương 1.500.000 cổ phần.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007 (ngày 14/4/2007), đã thông qua và thống nhất đổi tên từ Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định (viết tắt là BITRACO) thành Công ty Cổ phần Petec Bình Định (tên viết tắt là PETEC BIDICO), đồng thời, tăng vốn điều lệ từ 15.000.000.000 đồng lên thành 30.600.000.000 đồng (tức tăng 104%), tương đương 3.060.000 cổ phần.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 (ngày 18/5/2016), đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu từ 30.600.000.000 đồng lên thành 40.391.470.000 đồng (tức tăng 32%), tương đương 4.039.147 cổ phần.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a. Ngành nghề hoạt động chính yếu:

- Kinh doanh xăng dầu, mỡ phụ, hoá chất, khí đốt, các chế phẩm từ dầu mỏ;
- Kinh doanh xi-măng, vật liệu xây dựng – trang trí nội thất, phân phối hàng tiêu dùng, vật tư nông nghiệp, v.v...
- Dịch vụ cho thuê cửa hàng, hợp tác kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng các loại;

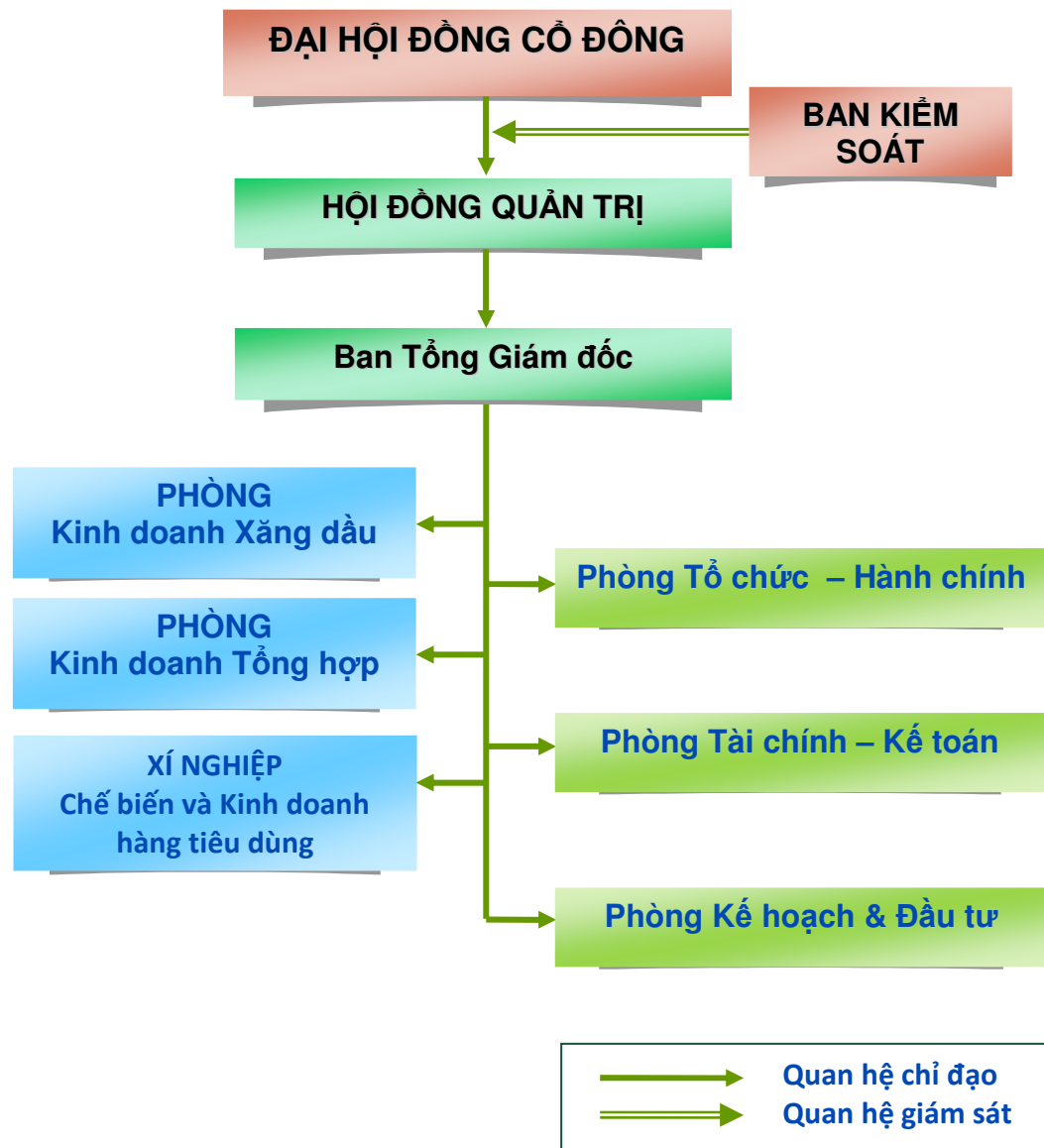
b. Các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất:

	<u>Năm 2017</u>	<i>Tỷ lệ chiếm</i>	<u>Năm 2016</u>	<i>Tỷ lệ chiếm</i>
Tổng doanh thu (triệu đồng)	686.131	100%	671.265	100%
<i><u>Trong đó:</u></i>				
- Kinh doanh xi-măng	285.692	41,6%	269.158	40,1%
- Kinh doanh xăng dầu	305.008	44,5%	297.022	44,2%
- Kinh doanh hàng công nghệ phẩm	92.024	13,4%	97.805	14,6%

c. Địa bàn kinh doanh: Thị trường hoạt động: Bình Định, Phú Yên và các tỉnh Tây Nguyên.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

– Mô hình quản trị.



– **Cơ cấu bộ máy quản lý:**

Hội đồng Quản trị công ty:

Được đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu ra gồm 5 (năm) thành viên với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông Công ty. Hội đồng quản trị bầu ra 1 chủ tịch. Hội đồng quản trị quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược tổng quát và đảm bảo các kế hoạch được thực hiện thông qua Ban Tổng Giám Đốc.

Ban Kiểm soát:

Được đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 3 (ba) thành viên. Ban kiểm soát là một cơ quan quản trị với nhiệm vụ thay mặt Đại hội đồng cổ đông kiểm tra, giám sát, theo dõi mọi hoạt động của HĐQT và ban điều hành cũng như báo cáo và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật.

Ban Tổng Giám đốc:

Ban tổng giám đốc gồm 3 thành viên, 01 Tổng giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu định hướng, kế hoạch mà HĐQT, ĐHĐCĐ đã thông qua. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm hoàn toàn các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty, giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc công ty sẽ căn cứ vào khả năng và nhu cầu quản lý để thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định cho các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc về những công việc điều hành chuyên môn.

Dựa trên quy mô, ngành nghề và thị trường, cơ cấu tổ chức của Công ty hiện nay được phân chia theo chức năng, bao gồm:

- Ban Tổng Giám đốc công ty;
- Phòng Tài chính - Kế toán;
- Phòng Tổ chức - Hành chính;
- Phòng Kế hoạch & Đầu tư;
- Phòng kinh doanh tổng hợp;
- Phòng kinh doanh xăng dầu;
- Xí nghiệp Chế biến và Kinh doanh hàng tiêu dùng (kinh doanh hàng công nghệ phẩm);

Đứng đầu các bộ phận này là các Trưởng phòng, Giám đốc Xí nghiệp và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc. Ngoài ra, trong công ty còn có các tổ chức đoàn thể chính trị Chi bộ, Công đoàn và Đoàn thanh niên hoạt động trên cơ sở luật pháp của Nhà Nước và Điều lệ của các tổ chức này.

- Các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất: Không có.

4. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Phát triển trọng tâm ở hai ngành hàng xăng dầu và xi-măng, mục tiêu là ổn định và phát triển thị trường kinh doanh thông qua chất lượng dịch vụ, tính ổn định trong cung ứng hàng hóa, uy tín chất lượng hàng hóa trong phân phối đến hệ thống khách hàng.
- Nâng cao hiệu suất sử dụng đồng vốn đi đôi với quản lý chặt chẽ, giảm thiểu rủi ro công nợ phải thu.
- Phân đầu đảm bảo mức chia cổ tức hàng năm đạt tối thiểu 8%;

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Phát triển bền vững đối với hai ngành hàng chiến lược là xi-măng và xăng dầu. Đối với xi-măng, hợp tác chặt chẽ với nhà cung cấp đồng thời thực hiện các giải pháp tăng sức cạnh tranh hướng đến có thể phát triển mạnh thị trường khu vực các tỉnh Miền Trung - Tây Nguyên nhằm gia tăng lượng tiêu thụ các mặt hàng có chất lượng như xi-măng Phúc Sơn và Nghi Sơn tại thị trường này. Đối với xăng dầu, nâng hiệu quả khâu bán lẻ tương ứng với tiềm năng, khai thác hiệu quả Kho dầu An Phú tại Cảng Quy Nhơn nhằm đảm bảo nguồn cung và chất lượng hàng hóa cung ứng cho hệ thống khách hàng ở khâu bán buôn.
- Nâng cao hiệu quả khai thác tài sản, mặt bằng hiện có.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy, nâng cao trình độ và kinh nghiệm trong từng lĩnh vực kinh doanh then chốt.
- Trên cơ sở các kế hoạch đã hoạch định, yêu cầu thực tế của Công ty, khả năng phát triển của nền kinh tế, các nội dung đầu tư trong thời gian đến sẽ gồm:
 - Tìm kiếm cơ hội đầu tư và kinh doanh hoặc hợp tác kinh doanh đối với các mặt bằng hiện có của Công ty, thông qua đó nâng cấp các mặt bằng này với mục tiêu khai thác hiệu quả hơn các tài sản trên đất trong giai đoạn sắp đến;
 - Xem xét lựa chọn dự án đầu tư (hoặc hợp tác đầu tư) nhằm gia tăng khả năng kinh doanh ở các ngành hàng xăng dầu và xi-măng.

b. Các rủi ro: (các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty).

- Trong bối cảnh kinh tế Thế Giới năm 2018 tiếp tục có những có những biến động, giá xăng dầu theo đó cũng sẽ có những thay đổi liên tục, tác động lớn đến công tác dự báo của Công ty.

- Mảng xi-măng cạnh tranh ngày càng gay gắt, đặc biệt từ khu vực xi-măng giá rẻ, phương thức vận chuyển, giao nhận... làm giảm đáng kể giá thành; trong khi đó chi phí các đầu vào đối với các mặt hàng Công ty kinh doanh vẫn ở mức cao (như chi phí cầu cảng, bốc dỡ hàng, chi phí vận chuyển, ...), do đó lợi nhuận trên đầu tấn xi-măng tiếp tục giảm sút so với năm trước.
- Công tác kiểm soát nợ phải thu mặc dù không để xảy ra rủi ro trong các năm qua, song vẫn tồn tại vấn đề cần khắc phục nhằm hạn chế đến mức thấp nhất tiềm ẩn rủi ro ở các ngành hàng kinh doanh chủ lực của Công ty.
- Tình hình thời tiết tiếp tục thay đổi phức tạp, sẽ tác động gián tiếp làm suy giảm sức mua của thị trường, đồng thời trực tiếp tác động đến khả năng cung ứng hàng hóa của Công ty (hàng hóa vận chuyển chủ yếu bằng đường biển), làm giảm nhu cầu thị trường.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Các chỉ tiêu chủ yếu đạt được trong năm 2016:

CHỈ TIÊU	Đvt	Năm 2017		So sánh thực hiện năm 2017	
		Kế hoạch	Thực hiện	Với KH 2017	Với TH 2016
DOANH SỐ SẢN XUẤT / MUA VÀO	Tr.đồng	872.347	649.519	74%	103%
DOANH THU	Tr.đồng	900.000	686.131	76%	102%
DOANH THU TIÊU THỤ HÀNG HÓA	Tr.đồng	897.340	682.724	76%	103%
Xi-măng	Tr.đồng	341.182	285.692	84%	106%
Lương bán ra (Phúc Sơn, Nghi Sơn, H.Long)	tấn	260.000	226.999	87%	112%
Xăng dầu	Tr.đồng	445.749	305.008	68%	103%
- Phòng KDXD: Bán buôn	Tr.đồng	313.516	194.480	62%	95%
+ Lương bán ra	1000 lít	21.800	15.651	72%	79%
- Phòng KDXD: Bán lẻ	Tr.đồng	132.233	110.528	84%	120%
+ Lương bán ra	1000 lít	8.040	7.464	93%	104%
Hàng CNP	Tr.đồng	110.409	92.024	83%	94%
D.THU D.VỤ KHAI THÁC MẶT BẰNG	Tr.đồng	2.660	3.407	128%	47%
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH					
Tổng doanh thu thuần	Tr.đồng	900.000	686.131	76%	102%
Giá vốn hàng bán	-	872.347	649.519	74%	103%
Chiết khấu hàng mua	-	9.620	-	-	-
Lợi nhuận gộp	-	37.272	36.612	98%	90%
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	1.809	-	151%
Chi phí tài chính	-	6.645	2.734	41%	121%
Chi phí bán hàng	-	20.844	32.869	158%	105%
Trích lập dự phòng	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	4.213	8.332	198%	94%
Thu nhập khác	-	-	11.165	-	115%

CHỈ TIÊU	Đvt	Năm 2017		So sánh thực hiện năm 2017	
		Kế hoạch	Thực hiện	Với KH 2017	Với TH 2016
Lợi nhuận trước thuế	-	5.571	5.651	101%	62%
Thuế TNDN hiện hành	-	1.114	1.151	103%	58%
Lợi nhuận sau thuế	-	4.456	4.499	101%	62%
Tỷ lợi tức cổ phần	%	10,00	10,00	101%	100%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ	%	11,03	11,14	100%	50%

Trong đó, các mảng kinh doanh chính đóng góp cụ thể như sau:

- Xăng dầu : Doanh thu đạt 305 tỷ đồng, sản lượng bán ra đạt 23,12 triệu lít (hoàn thành 77,4% kế hoạch đề ra). Mức sản lượng bán ra khu vực bán buôn đạt xấp xỉ so với năm trước, khu vực bán lẻ có mức tăng khá – tăng 4% so với năm 2016.
- Xi-măng : Doanh số 286 tỷ đồng, đạt sản lượng 227 ngàn tấn, hoàn thành 87% kế hoạch đề ra, tăng 12% so với sản lượng bán ra năm 2016.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã tiến hành bầu Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ IV (gồm 5 thành viên) và Ban kiểm soát Nhiệm kỳ IV (gồm 3 thành viên).

Hội đồng quản trị

- Ông Huỳnh Đức Trường Chủ tịch Bổ nhiệm ngày 25/05/2015
- Ông Nguyễn Trọng Phát Thành viên Bổ nhiệm ngày 23/05/2015
- Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh Thành viên Bổ nhiệm ngày 23/05/2015
- Ông Nguyễn Đức Linh Trưởng ban Bổ nhiệm ngày 23/05/2015
- Ông Lương Duy Vân Thành viên Bổ nhiệm ngày 23/05/2015

Ban Kiểm soát

- Ông Nguyễn Văn Ánh Trưởng ban Bổ nhiệm ngày 25/05/2015
- Ông Hoàng Anh Tuấn Thành viên Bổ nhiệm ngày 23/05/2015
- Ông Nguyễn Văn Phàn Thành viên Bổ nhiệm ngày 23/05/2015

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- Ông Nguyễn Trọng Phát Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 25/05/2015
- Ông Lương Duy Vân Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 25/05/2015
- Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 25/05/2015
- Bà Không Thị Hà Kế toán trưởng Bổ nhiệm ngày 25/05/2015

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Hội đồng quản trị: (tính đến 31/03/2018)

Stt	Họ tên người sở hữu cổ phần	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %
1	C.Ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec (Người đại diện phân vốn: Huỳnh Đức Trường)	1.274.064	31,54
2	Huỳnh Đức Trường	20.716	0,51
3	Nguyễn Trọng Phát	555.756	13,76
4	Lương Duy Vân	303.808	7,52
5	Đỗ Khoa Mỹ Linh	93.456	2,31
6	Nguyễn Đức Linh	0	-
	Tổng cộng	2.247.800	55,65

– Những thay đổi trong ban điều hành trong năm:

Không có.

- Số lượng cán bộ, nhân viên:** Tổng số nhân sự toàn công ty có đến cuối năm tài chính là 81 người. Trong đó nhân viên quản lý 17 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Không có

4. Tình hình tài chính:

(Đvt: Triệu đồng)

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	115.202	117.253	-1,75%
Doanh thu thuần	686.131	671.265	2,21%
Lợi nhuận từ h.động kinh doanh	-5.514	-533	0,00%
Lợi nhuận khác	11.165	9.718	14,89%
Lợi nhuận trước thuế	5.651	9.185	-38,48%
Lợi nhuận sau thuế	4.499	7.201	-37,52%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	10%	0%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,850	1,740	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,605	1,410	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,432	0,470	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,759	0,881	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	44,606	34,290	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	5,956	5,720	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,007	0,011	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,069	0,116	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,039	0,061	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần: 4.039.147 cổ phần, chiếm 100% vốn điều lệ. Trong đó, cổ phiếu phổ thông chiếm 100% vốn điều lệ. Không có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu.

b. Cơ cấu cổ đông: (theo danh sách chốt của VSD đến 16/06/2017)

- Tổng số cổ phần : 4.039.147 cổ phần, chiếm 100% vốn điều lệ.
- Cổ đông pháp nhân : 01 cổ đông, nắm giữ 1.274.064 cổ phần, chiếm 31,54%.
- Cổ đông thể nhân : 340 cổ đông, nắm giữ 2.765.083 cổ phần, chiếm 68,46%.
- Cổ đông là Nhà nước: Không có.

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm: Không có.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

Hoạt động kinh doanh của Công ty thuần về thương mại, không phát sinh sử dụng nguyên liệu, tiêu thụ năng lượng.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

– Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty:

Hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2017 diễn ra trong bối cảnh tế trong nước ổn định, lạm phát được kiểm soát, thị trường tiền tệ - các hoạt động ngân hàng diễn biến thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp, các tác động của giá dầu Thế Giới đến thị trường trong nước đều theo xu hướng tích cực, nhu cầu xây dựng cơ bản năm 2017 tại Bình Định, GiaLai, Kontum tăng 15-20% so với năm 2016.

Mặc dù vậy, thị trường ngày càng cạnh tranh quyết liệt, chi phí đầu vào tăng cao, trong khi đó thời tiết diễn biến rất bất thường gây tác động khách quan rất lớn đến nguồn hàng kinh doanh của Công ty – đặc biệt thời điểm quý IV năm 2017. Chính vì vậy, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 của Công ty đã chỉ đạt 76% kế hoạch về doanh thu, sản lượng bán ra ở 2 ngành hàng chính là xăng dầu và xi-măng đạt xấp xỉ năm 2016, lợi nhuận đạt so với kế hoạch nhưng chỉ bằng 62% so với thực hiện năm trước.

Trong năm hoạt động kinh doanh của Công ty không không phát sinh thêm nợ xấu, thương hiệu của Công ty tiếp tục được duy trì ổn định trên thị trường.

Đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu:

Trong năm qua, giá dầu Thế Giới tiếp tục biến động liên tục. Do nắm bắt tốt diễn biến giá cả, chủ động được nguồn hàng, đi đôi với khai thác hiệu quả kho dầu An Phú, vì vậy Công ty vẫn đảm bảo được hai mục tiêu: vừa đảm bảo hàng đáp ứng cho thị trường vừa hạn chế tối thiểu rủi ro giảm giá hàng tồn kho. Hoạt động khu vực bán lẻ tuy ổn định, song mức độ phát triển về sản lượng hàng bán chưa đạt theo kỳ vọng. Khâu bán buôn chịu ảnh hưởng nhiều từ tình hình buôn lậu, hàng kém phẩm chất trong kinh doanh xăng dầu diễn biến phức tạp, đã làm giảm đáng kể khả năng cạnh tranh của Công ty, sản lượng xăng dầu bán ra năm 2017 giảm so với cùng kỳ năm trước, v.v...

Tổng doanh số bán ra đạt 305 tỷ đồng, sản lượng bán ra năm 2017 đạt 77,5% kế hoạch, cả khu vực bán buôn và bán lẻ đều giữ ở mức tương đương so với năm trước (đạt 23,1 triệu lít).

Đối với hoạt động kinh doanh xi măng:

Năm 2017 ngành hàng xi-măng tiếp tục gặp nhiều khó khăn về bốc dỡ hàng hóa tại Cảng, chi phí đầu vào (bốc xếp, vận chuyển) tăng trong khi giá bán giảm do cạnh tranh gay gắt. Thêm vào đó xuất phát từ tình hình thời tiết mưa bão liên tục, cảng Quy Nhơn gặp sự cố từ cơn bão số 12 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản lượng bán ra của quý IV. Lượng xi-măng từ các tỉnh phía Bắc vào (do giảm xuất khẩu) đã làm tăng đáng kể lượng cung xi-măng trên thị trường. Tỷ trọng tiêu thụ xi-măng bao trên thị trường giảm, làm suy giảm đáng kể sản lượng bán ra các mặt hàng xi-măng Công ty kinh doanh. Sản lượng và lợi nhuận mảng kinh doanh xi-măng năm 2017 sụt giảm đáng kể.

Trong bối cảnh đó, Công ty tiếp tục triển khai các chiến lược bán hàng nhằm nâng cao sức cạnh tranh, cố gắng ổn định sức bán ra ở nhóm hàng có chất lượng cao, đã có thương hiệu trên thị trường; đồng thời phát triển chọn lọc một mặt hàng xi-măng giá rẻ. Các sản phẩm chất lượng mà Công ty phân phối tiếp tục là xi-măng Phúc Sơn, Nghi Sơn, Hoàng Long. Tổng sản lượng bán ra năm 2017 là 227 ngàn tấn (đạt 87% kế hoạch, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2016).

Đối với Công ty TNHH MTV Du lịch (là công ty con, kinh doanh dịch vụ Nhà hàng – Tiệc cưới,...):

Do kết quả hoạt động kinh doanh không đạt theo yêu cầu, Công ty TNHH MTV Du lịch Petec Bình Định đã giải thể kể từ ngày 24/4/2017 theo quyết định số 03/QĐ-CPPT của Chủ sở hữu. Hiện tòa nhà 323 Bạch Đằng được hợp tác kinh doanh, bước đầu đạt được hiệu quả.

Đối với hoạt động kinh doanh mặt hàng thuốc lá:

Sản lượng thuốc lá bán ra đạt 8,12 triệu gói, hoàn thành 96% kế hoạch, tuy nhiên kết quả kinh doanh không đạt theo mục tiêu đề ra.

Dịch vụ khai thác tài sản trên đất:

Mảng kinh doanh cho thuê tài sản trên đất (cửa hàng, nhà xưởng, ...), hợp tác kinh doanh:

- Tổng diện tích cho thuê: 3.329 m²
- Doanh thu năm 2017 đạt: 1 tỷ 988 triệu đồng (hoàn thành 97% kế hoạch)

Nhìn chung mảng kinh doanh dịch vụ mặt bằng hoạt động bình ổn, doanh thu và lợi nhuận đạt yêu cầu kế hoạch đề ra.

– Những tiến bộ công ty đã đạt được .

Về công tác tổ chức lao động:

Trong năm 2017, Ban lãnh đạo tiếp tục thực hiện công tác sắp xếp bộ máy lao động theo hướng tinh gọn, kiện toàn bộ máy nhằm nâng cao năng suất lao động, tạo động lực phát triển kinh doanh.

Ngoài ra, trong bối cảnh tình hình kinh doanh còn nhiều khó khăn, 100% người lao động vẫn bảo đảm được công ăn việc làm, thu nhập ổn định. Các dịp lễ tết Công ty đều kịp thời khen thưởng động viên, tạo sự gắn bó giữa người lao động và Công ty. Trong năm 2017, người lao động trong Công ty có thu nhập bình quân đạt 5,9 triệu đồng/người/tháng.

Cơ chế khoán của Công ty cho các khâu bán lẻ xăng dầu, thuốc lá và mảng kinh doanh xi-măng, đã tạo sự linh hoạt trong cơ chế bán hàng, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Công ty cũng thường xuyên củng cố, phát triển mạng lưới phân phối, đại lý; chuẩn bị đầy đủ nguồn hàng, dự trữ hàng hóa hợp lý; điều chỉnh cơ chế giá kịp thời; tăng cường hợp tác với các nhà sản xuất, nhà cung ứng, nhà phân phối; Công ty cũng luôn bảo đảm an toàn sản xuất kinh doanh, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường, ứng phó sự cố. Ngoài ra, Công ty có những đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội.

Có thể nói trong năm qua Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện nền kinh tế nhiều biến động, thị trường có sự cạnh tranh quyết liệt, ... Tuy nhiên, với những cố gắng nỗ lực không ngừng của tập thể lãnh đạo, CBCNV Công ty, sự đoàn kết nhất trí, vì sự tồn tại và phát triển của Công ty, đã tạo động lực để Công ty có thể duy trì ổn định hoạt động kinh doanh, giữ vững được thị trường, kinh doanh có hiệu quả, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động. Năm 2017 tiếp tục là năm thứ mười một liên tiếp Công ty được tổ chức Công ty Việt Nam Report phối hợp với Đại học Havard Hoa Kỳ bình chọn vào Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam. Có được những thành quả trên, trước hết là nhờ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát và quản lý điều hành có hiệu quả của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, cùng với tinh thần đoàn kết, năng động của toàn thể CBCNV Công ty trong các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Giá trị tài sản cố định có đến 31/12/2017 là 22.248.305.387 đồng. Các tài sản của Công ty đều được khai thác sử dụng đạt hiệu quả.

Đối với tình hình nợ phải thu:

Tại thời điểm 31/12/2017, tất cả các khoản nợ phải thu của Công ty đều được đối chiếu với khách hàng.

Tổng nợ phải thu đến 31/12/2017 là: 72.237.346.606 đồng (trong đó nợ quá hạn từ 6 tháng trở lên: 9.606.622.672 đồng).

Quy chế quản lý nợ phải thu của Công ty được lập từ năm 2013, qua các năm đều được hoàn thiện nhằm tăng tính hiệu quả trong quản lý nợ, đôn đốc thu hồi công nợ đến hạn và quá hạn; chế tài đối với các cá nhân, bộ phận liên quan để xảy ra nợ dây dưa, khó đòi.

Công tác quản lý nợ và thu hồi nợ tiếp tục là một nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2018, nhằm đảm bảo an toàn tài chính và tăng hiệu quả sử dụng vốn.

b) Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả cho người bán đến 31/12/2017: 1.058.944.737 đồng.

Trong năm không có biến động lớn về các khoản nợ.

Trong năm qua, Công ty đã luôn thực hiện việc giám sát chặt chẽ công tác tài chính, gắn trách nhiệm người lao động trong việc sử dụng tài sản của Công ty, thực hiện tốt công tác quản lý tiền hàng, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Về tài chính:

- Trong năm, theo chỉ đạo của HĐQT, Ban TGD Công ty tiếp tục hoàn thiện Quy chế quản lý nợ phải thu theo hướng chặt chẽ hơn về chế tài xử lý, gia tăng trách nhiệm quản lý, qua đó tăng cường công tác quản lý tiền hàng, công nợ, thực hiện chính sách chiết khấu thanh toán phù hợp, khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh, kiểm soát chặt chẽ các chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Đối với khách hàng, tuân thủ tuyệt đối nguyên tắc chỉ ký kết hợp đồng với các khách hàng đại lý có thể đảm bảo an toàn vốn và có hiệu quả trong kinh doanh, hạn chế thấp nhất khả năng rủi ro.

- Sử dụng các nguồn lực tài chính có hiệu quả. Định mức kinh tế – kỹ thuật Công ty đã được các khâu thực hiện theo đúng qui định của Công ty.
- Đối với vốn luân chuyển, các đơn vị đã tuân thủ theo chỉ số hiệu quả quay vòng vốn trên từng khách hàng, trên từng lô hàng.

Về tổ chức:

- Kiện toàn bộ máy quản lý tại các đơn vị kinh doanh trên cơ sở tăng trách nhiệm đối với từng cá nhân phụ trách, tăng hiệu quả trong quản lý. Cơ chế phối kết hợp, tham chiếu giữa các phòng ban chức năng và các đơn vị kinh doanh nhằm gia tăng tính hiệu quả trong quản lý, đặc biệt về vấn đề quản lý vốn, phục vụ công tác kinh doanh được chú trọng.
- Tăng cường sự chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc. Nêu cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu trong công tác của cán bộ quản lý, điều hành; động viên người lao động tin tưởng, đoàn kết, nỗ lực khắc phục khó khăn, tạo nền tảng vững chắc để xây dựng Công ty phát triển bền vững.

4. Kế hoạch phát triển trong năm 2018:

Trên cơ sở tình hình thực tế, dự báo thị trường thời gian đến, năng lực của Công ty, kế hoạch kinh doanh năm 2017 của Công ty cụ thể như sau:

Các chỉ tiêu	Kế hoạch 2018
Tổng doanh thu	706 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	3,43 tỷ đồng
Cổ tức dự kiến	8 %

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần):

Không có.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Lãnh đạo Công ty đã làm tròn chức trách điều hành và quản trị Công ty và định hướng các biện pháp kinh doanh có hiệu quả, tuy kế hoạch về doanh thu chỉ đạt 76,2% so với kế hoạch, nhưng đã cơ bản hoàn thành kế hoạch về lợi nhuận, mức cổ tức năm 2017 dự kiến đạt 10%, hoàn thành kế hoạch ĐHCĐ 2017 đã đề ra.

Các trưởng bộ phận dưới sự điều hành của Ban TGD đã làm tốt các nhiệm vụ được giao, có khả năng phối hợp các bộ phận tạo điều kiện hoàn thành các mục tiêu đề ra.

Do kết quả kinh doanh dịch vụ nhà hàng tiệc cưới của công ty con lỗ trong nhiều năm qua, vì HĐQT đã có quyết định giải thể đơn vị này, Ban lãnh đạo Công ty đã đưa vào khai thác tòa nhà 323 đường Bạch Đằng, thành phố Quy Nhơn ngay trong quý II năm

2017, tạo hiệu quả thông qua hợp tác kinh doanh, không để xảy ra tình trạng lỗ trong năm 2017.

Tình hình kinh doanh của Công ty năm 2018 như đã dự báo sẽ có rất nhiều khó khăn đặc biệt về tình hình cạnh tranh, về các yếu tố khách quan như thời tiết,... vì vậy tất cả CBCNV và Ban lãnh đạo Công ty phải nâng cao hiệu quả hoạt động để ngày càng đáp ứng yêu cầu của thực tế.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty*

Ban điều hành Công ty đã thực hiện đúng các định hướng kinh doanh năm 2017 của Hội đồng quản trị đề ra. Trong năm 2018, bên cạnh việc thực hiện các biện pháp để giữ thị trường, khách hàng, Ban Tổng giám đốc phải có kế hoạch mở rộng đối với hai ngành hàng chính là xăng dầu và đặc biệt là xi-măng, song song với nhiệm vụ quản lý nợ, kiểm soát chặt chẽ rủi ro đối với nợ phải thu nhằm đảm bảo an toàn tài chính.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Năm 2018 là năm mà nhu cầu thị trường sẽ có nhiều khởi sắc xuất phát từ nền kinh tế có sự hồi phục tích cực trong suốt thời gian qua. Tuy nhiên bên cạnh tác động của kinh tế Thế giới, kinh tế trong nước sẽ tiếp tục biến động, đặc biệt từ phía giá dầu và sự cạnh tranh đa dạng trên thị trường,... Vì vậy, Hội đồng quản trị sẽ chú trọng hơn về công tác kiểm soát cũng như dự báo nhằm sự chỉ đạo đối với Ban Tổng giám đốc được thực hiện sâu sát hơn, mục tiêu là hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

Quyết tâm thực hiện tốt công tác quản lý sau:

- Nâng cao sản lượng bán ra ở hai ngành hàng chính là xăng dầu và xi-măng, đảm bảo tính ổn định đối với các lĩnh vực kinh doanh dịch vụ khác, đảm bảo hiệu quả kinh doanh theo kế hoạch đề ra.
- Tăng cường công tác quản lý vốn, đặc biệt đối với nợ phải thu.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy, nâng cao trách nhiệm quản lý, nâng cao năng suất lao động, duy trì các chỉ số phát triển bền vững.

Dự kiến các khoản đầu tư:

Không có.

V. **Quản trị công ty**

1. *Hội đồng quản trị:*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác)

Stt	Họ và Tên	Chức danh		Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh nắm giữ tại các công ty khác
1	Ông Huỳnh Đức Trường	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành	Đại diện 31,54% Sở hữu 0,51%	- Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCT (PETEC) - Trưởng ban kiểm soát CTCP Âu Lạc
2	Ông Nguyễn Trọng Phát	Phó chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành	13,76%	Không
3	Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành	2,31%	Giám đốc Công ty TNHH MTV Du lịch Minh Nhật
4	Ông Nguyễn Đức Linh	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành	0%	Phó Ban Kiểm soát nội bộ - Tổng công ty Dầu Việt Nam
5	Ông Lương Duy Vân	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành	7,52%	Không

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị: từ 01/01/2017 đến 31/12/2017:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
01	Huỳnh Đức Trường	Chủ tịch	04/04	100%	
02	Nguyễn Trọng Phát	thành viên	04/04	100%	
03	Lương Duy Vân	thành viên	04/04	100%	
04	Đỗ Khoa Mỹ Linh	thành viên	04/04	100%	
05	Nguyễn Đức Linh	thành viên	04/04	100%	

Các Nghị quyết/Quyết định trong năm 2017 của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Biên bản họp lần thứ 10 – Nhiệm kỳ IV	14/01/2017	Họp phiên thường kỳ; Thống nhất giải thể Công ty TNHH MTV Du lịch Petec, giao Tổng giám đốc xem xét lựa chọn thời điểm giải thể phù hợp và tổ chức thực hiện đúng quy định của pháp luật.
2	Biên bản họp lần thứ 11 – Nhiệm kỳ IV	15/03/2017	Họp phiên thường kỳ
3	Biên bản họp lần thứ 12 – Nhiệm kỳ IV	24/05/2017	Họp phiên thường kỳ
4	Biên bản họp lần thứ 13 – Nhiệm kỳ IV	16/11/2017	Họp phiên thường kỳ

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông Nguyễn Văn Ánh	Trưởng ban BKS	0,69%
2	Ông Hoàng Anh Tuấn	Thành viên BKS	0%
3	Ông Nguyễn Văn Phàn	Thành viên BKS	0,65%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2017, tổ chức 02 lần họp:

- Lần 1: Ngày 29 – 30/03/2017, Giám sát tình hình tài chính Công ty năm 2017;

- Lần 2: Ngày 20 – 21/07/2017: Giám sát tình hình tài chính Công ty năm 2017.

Nhìn chung hoạt động của HĐQT, Ban TGD Công ty thực hiện theo đúng Điều lệ Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ

Stt	Họ và Tên	Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác
1	Ông Huỳnh Đức Trường	5.000.000 đồng/tháng và tiền thưởng hoàn thành kế hoạch hàng năm (nếu có) theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Petec Bình Định: không có
2	Ông Nguyễn Trọng Phát	5.000.000 đồng/tháng và tiền thưởng hoàn thành kế hoạch hàng năm (nếu có) theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Petec Bình Định: Thành viên trong gia đình có sở hữu 03 cửa hàng bán lẻ xăng dầu, các cửa hàng này đang là đại lý xăng dầu của Công ty cổ phần Petec Bình Định.

Stt	Họ và Tên	Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác
3	Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh	4.000.000 đồng/tháng và tiền thưởng hoàn thành kế hoạch hàng năm (nếu có) theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Petec Bình Định: không có
4	Ông Nguyễn Đức Linh	4.000.000 đồng/tháng và tiền thưởng hoàn thành kế hoạch hàng năm (nếu có) theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Petec Bình Định: không có.
5	Ông Lương Duy Vân	4.000.000 đồng/tháng và tiền thưởng hoàn thành kế hoạch hàng năm (nếu có) theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ Thành viên trong gia đình có sở hữu 01 cửa hàng bán lẻ xăng dầu. Cửa hàng này đang là đại lý xăng dầu của Công ty cổ phần Petec Bình Định
6	Ông Nguyễn Văn Ánh	7.000.000 đồng/tháng và tiền thưởng hoàn thành kế hoạch hàng năm (nếu có) theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Petec Bình Định: không có.
7	Ông Hoàng Anh Tuấn	2.500.000 đồng/tháng và tiền thưởng hoàn thành kế hoạch hàng năm (nếu có) theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Petec Bình Định: không có
8	Ông Nguyễn Văn Phàn	2.500.000 đồng/tháng và tiền thưởng hoàn thành kế hoạch hàng năm (nếu có) theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Petec Bình Định: không có

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

Stt	Họ và Tên	Nội bộ / Liên quan đến người nội bộ	Thời gian thực hiện	Giao dịch
1	Ông Nguyễn Trọng Phát	Phó Chủ tịch HĐQT Tổng giám đốc	28/3/2017 đến ngày 21/4/2017	Mua 15.840 cổ phần Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 13,26%
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Trà	Con ruột ông Nguyễn Trọng Phát - Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc	13/7/2017 đến ngày 09/8/2017	Mua 10.000 cổ phần Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 0,25%
3	Ông Nguyễn Trọng Phát	Phó Chủ tịch HĐQT Tổng giám đốc	18/9/2017 đến ngày 09/10/2017	Mua 12.000 cổ phần Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 13,56%
4	Ông Nguyễn Trọng Phát	Phó Chủ tịch HĐQT Tổng giám đốc	26/10/2017 đến ngày 24/11/2017	Mua 8.000 cổ phần Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 13,76%
5	Ông Lương Duy Vân	Thành viên HĐQT Phó Tổng giám đốc	01/11/2017 đến ngày 30/11/2017	Mua 6.000 cổ phần Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 6,41%
6	Ông Lương Duy Vân	Thành viên HĐQT Phó Tổng giám đốc	12/04/2018 đến ngày 11/05/2018	Mua 44.896 cổ phần Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 7,52%
7	Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh	Thành viên HĐQT Phó Tổng giám đốc	12/04/2018 đến ngày 11/05/2018	Mua 11.880 cổ phần Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 2,31%

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:

Stt	Hợp đồng	Số / ngày	Nội bộ / Liên quan đến người nội bộ
1	Loại hợp đồng: Đại lý bao tiêu xăng dầu Với: Doanh nghiệp tư nhân Xăng dầu Quốc Bảo – Chủ doanh nghiệp: Trần Thị Bôn	Hợp đồng số: 01/ĐL-XD; Ngày ký: 01/01/2017 Hiệu lực hợp đồng: 01/01/2017 – 31/12/2017	Chủ doanh nghiệp là vợ của Ông Nguyễn Trọng Phát – Phó chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty
2	Loại hợp đồng: Đại lý bao tiêu xăng dầu Với: Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Quốc Bảo – Giám đốc: Nguyễn Trọng Bảo	Hợp đồng số: 03/ĐL-XD; Ngày ký: 01/01/2017 Hiệu lực hợp đồng: 01/01/2017 – 31/12/2017	Giám đốc là con ruột của: Ông Nguyễn Trọng Phát – Phó chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty
3	Loại hợp đồng: Đại lý bao tiêu xăng dầu Với: Doanh nghiệp Thương mại Quốc Bảo – Giám đốc: Nguyễn Trọng Bảo	Hợp đồng số: 03/ĐL-XD; Ngày ký: 01/01/2017 Hiệu lực hợp đồng: 01/01/2017 – 31/12/2017	Giám đốc là con ruột của: Ông Nguyễn Trọng Phát – Phó chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty
4	Loại hợp đồng: Đại lý bao tiêu xăng dầu Với: Doanh nghiệp tư nhân Việt Linh – Chủ doanh nghiệp: Lương Thị Thủy	Hợp đồng số: 07/ĐL-XD; Ngày ký: 01/01/2017 Hiệu lực hợp đồng: 01/01/2017 – 31/12/2017	Chủ doanh nghiệp là em ruột của: Ông Lương Duy Vân – Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty: Không có

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN RSM VIỆT NAM - CHI NHÁNH MIỀN TRUNG

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Petec Bình Định (dưới đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 05/03/2018 từ trang 5 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Petec Bình Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Petec Bình Định cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này theo Báo cáo kiểm toán số 450/2017/BCKT-AAC ngày 27 tháng 03 năm 2017.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		89.852.346.120	89.913.536.585
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.704.662.500	7.138.798.106
1. Tiền	111	4.1	5.704.662.500	7.138.798.106
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		72.237.346.606	65.218.429.484
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	70.134.542.742	69.713.660.723
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	3.247.503.918	1.474.893.953
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	288.195.560	781.859.901
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(1.432.895.614)	(6.751.985.093)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	11.910.337.014	16.344.129.469
1. Hàng tồn kho	141		11.910.337.014	16.344.129.469
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	1.212.179.526
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	-	156.004.392
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.056.175.134
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.350.120.008	27.170.608.595
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		22.248.305.387	23.655.485.861
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	21.347.657.387	22.754.837.861
Nguyên giá	222		46.599.558.957	46.491.887.957
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.251.901.570)	(23.737.050.096)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	900.648.000	900.648.000
Nguyên giá	228		900.648.000	900.648.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.10	1.344.356.641	1.349.852.909
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	7.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.479.064.524	5.479.064.524
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.134.707.883)	(11.129.211.615)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.757.457.980	2.165.269.825
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	1.757.457.980	2.165.269.825
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		115.202.466.128	117.084.145.180

Bảng cân đối kế toán*(Tiếp theo)*

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		49.711.956.898	52.438.961.820
I. Nợ ngắn hạn	310		48.555.956.162	50.533.852.084
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	1.058.944.737	6.904.910.278
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		48.336.253	35.261.638
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	2.537.505.049	2.855.014.440
4. Phải trả người lao động	314		1.413.356.164	1.867.535.260
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	1.474.071.435	2.072.486.034
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	41.587.214.505	36.533.236.415
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		436.528.019	265.408.019
II. Nợ dài hạn	330		1.156.000.736	1.905.109.736
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.13	1.156.000.736	1.905.109.736
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		65.490.509.230	64.645.183.360
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.15	65.490.509.230	64.645.183.360
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.391.470.000	40.391.470.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.391.470.000	40.391.470.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(54.000.000)	(54.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.128.826.100	14.688.530.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.024.213.130	9.619.183.360
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		4.524.943.760	3.446.218.100
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.499.269.370	6.172.965.260
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		115.202.466.128	117.084.145.180

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	686.130.890.987	669.517.070.466
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		686.130.890.987	669.517.070.466
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	649.519.297.461	629.214.619.934
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		36.611.593.526	40.302.450.532
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.808.528.338	1.197.936.358
7. Chi phí tài chính	22	5.4	2.733.607.541	2.254.687.619
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.666.706.016</i>	<i>2.159.495.034</i>
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	32.868.909.804	31.436.147.330
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	8.331.659.340	7.839.381.429
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.514.054.821)	(29.829.488)
11. Thu nhập khác	31	5.7	11.181.019.306	9.793.406.576
12. Chi phí khác	32	5.8	16.316.938	77.534.600
13. Lợi nhuận khác	40		11.164.702.368	9.715.871.976
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.650.647.547	9.686.042.488
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	1.151.378.177	1.983.077.228
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.499.269.370	7.702.965.260
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.11	1.114	1.502
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.12	1.114	1.502

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017)

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.650.647.547	9.686.042.488
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.514.851.474	2.745.662.816
Các khoản dự phòng	03		874.833.939	923.973.189
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.725.787)	(5.497.310.613)
Chi phí lãi vay	06		2.666.706.016	2.159.495.034
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		10.694.313.189	10.017.862.914
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.832.079.659)	(14.403.556.146)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.433.792.455	2.942.411.530
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(7.151.051.086)	(4.710.337.422)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		563.816.237	(297.726.766)
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.666.706.016)	(2.159.495.034)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.983.077.228)	(327.629.109)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.463.250.000)	(1.278.367.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.404.242.108)	(10.216.837.033)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(107.671.000)	(72.727.272)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	6.231.693.727
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.725.787	20.400.034
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(94.945.213)	6.179.366.489
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	(54.000.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	595.301.107.355	657.226.147.914
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(590.247.129.265)	(658.282.161.707)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(1.988.926.375)	(3.173.778.675)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.065.051.715	(4.283.792.468)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(1.434.135.606)	(8.321.263.012)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		7.138.798.106	15.460.061.118
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		5.704.662.500	7.138.798.106

Toàn văn Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (đã được kiểm toán): *đăng tải tại trang điện tử của Công ty có địa chỉ tại <http://www.petecbidico.com.vn/codong>.*

Tp. Quy Nhơn, ngày 19/4/2018

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty

